

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường) - 1.014834

1.1. Trình tự thực hiện:

1.1.1. Trường hợp cấp Giấy xác nhận

a) Chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản gửi hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (chủ cơ sở được lựa chọn địa phương để đề nghị cấp Giấy xác nhận).

b) Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính căn cứ quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về phát triển nuôi trồng thủy sản tại địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; xin ý kiến địa phương còn lại đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trong thời hạn 04 ngày làm việc, địa phương được xin ý kiến phải có ý kiến trả lời bằng văn bản; quá thời hạn, địa phương được xin ý kiến không trả lời được coi là đồng ý) để thẩm định, cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 27.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.1.2. Trường hợp cấp lại Giấy xác nhận

a) Khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP, chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản gửi hồ sơ đến cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính căn cứ quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về phát triển nuôi trồng thủy sản tại địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thẩm định, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực. Trường hợp không cấp lại Giấy xác nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

1.3.1.1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp theo Mẫu số 25.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP;

b) Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở.

1.3.1.2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 26.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP;

b) Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi có xác nhận của chủ cơ sở (đối với trường hợp thay đổi quy mô sản xuất); trường hợp thay đổi chủ cơ sở phải có giấy tờ chứng minh sự thay đổi.

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp cấp Giấy xác nhận là 08 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm thời gian còn 06 ngày làm việc) kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;

- Trường hợp cấp lại Giấy xác nhận là 05 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm thời gian còn 2,5 ngày làm việc) kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận theo Mẫu số 27.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 25.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP;

b) Đơn đề nghị cấp lại Giấy xác nhận theo Mẫu số 26.NT Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Khoản 5 Điều 38 Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;

- Điều 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

- Mục B Phụ lục I Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Mẫu số 25.NT (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY XÁC NHẬN
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ/ĐỐI TƯỢNG
THỦY SẢN NUÔI CHỦ LỰC

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận).

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ của cơ sở:
3. Điện thoại..... ; Email.....
4. Tổng diện tích của cơ sở (ha):
5. Diện tích/thể tích nuôi trồng thủy sản (ha/m³):
6. Hình thức nuôi¹:

Đề nghị(Tên cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận) xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực/nuôi trồng thủy sản cho cơ sở theo thông tin sau:

TT	Ao/bể/ lồng nuôi ²	Đối tượng thủy sản nuôi ³	Địa chỉ ao/bể/ lồng nuôi ⁴	Diện tích, thể tích ao/bể/lồng nuôi (m ² /m ³)
1				
2				
3				
...				

Tôi cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành của pháp luật về nuôi trồng thủy sản và pháp luật có liên quan.

¹ Hình thức: Thâm canh/Bán thâm canh/Khác (ghi rõ hình thức nuôi).
² Ghi rõ vị trí, địa điểm ao/bể nuôi đối tượng chủ lực/lồng nuôi theo sơ đồ khu nuôi.
³ Ghi rõ tên loài bằng tiếng Việt và tên khoa học.
⁴ Ghi cụ thể đến ấp/thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: cơ sở.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

*(Chữ ký hoặc chữ ký số của cá nhân/
chữ ký hoặc chữ ký số của người có
thẩm quyền và dấu của tổ chức)*

Mẫu số 26.NT (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ/ĐỐI TƯỢNG
THỦY SẢN NUÔI CHỦ LỰC

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận.

1. Tên tổ chức, cá nhân:
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ của cơ sở:
4. Điện thoại.....; Số Email.....
5. Đối tượng thủy sản nuôi:
6. Tổng diện tích của cơ sở (ha):
7. Tổng diện tích/thể tích nuôi (ha/m³):
8. Hình thức nuôi^(*):
9. Lý do đề nghị xác nhận lại:

a) Bị mất, rách: 

b) Thay đổi, bổ sung chủ cơ sở nuôi; diện tích ao nuôi; đối tượng nuôi; mục đích sử dụng:  (Điền thông tin theo bảng ở dưới).

c) Di chuyển địa điểm nuôi từ địa phương này sang địa phương khác 

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận)
..... xác nhận lại nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi
chủ lực/nuôi trồng thủy sản theo thông tin sau:

TT	Mã số nhận diện ao/bể nuôi đã được cấp	Địa chỉ ao/bể nuôi ^(**)	Thay đổi đối tượng nuôi		Thay đổi mục đích sử dụng		Thay đổi diện tích ao nuôi (m ²)		Thay đổi chủ cơ sở	
			Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới
1										
...										

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

CHỦ CƠ SỞ

(Chữ ký hoặc chữ ký số của cá nhân/chữ ký hoặc chữ ký số của
người có thẩm quyền và dấu của tổ chức)

^(*) Hình thức: Thâm canh/Bán thâm canh/Khác (ghi rõ hình thức nuôi).

^(**) Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố.

Mẫu số 27.NT (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 41/2026/NĐ-CP)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN (nếu có)
TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(bao gồm cả tên tiếng Việt và tiếng Anh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày..... tháng..... năm.....
....., date ... month ... year ...

GIẤY XÁC NHẬN/CERTIFICATE

**nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực/
for cage aquaculture, main aquaculture species**

(Lần:, ngày ... tháng ... năm .../Edition:..., dated ... day ... month ... year ...)
Số:/20.../No:/20...

1. Tên tổ chức/cá nhân/Name of organization/individual:
2. Mã số doanh nghiệp/Citizen ID/Business Registration No:
3. Địa chỉ cơ sở/Facility address:
4. Số điện thoại/Telephone:
5. Email (nếu có)/Email (if any):
6. Mã số cơ sở nuôi (AA-Mã số cơ quan cấp-BBBBBB-C-DDDD) có mã số nhận diện từng ao/bể/lồng nuôi.

Facility code (AA-Issuing authority code-BBBBBB-C-DDDD) with individual IDs for each pond/tank/cage:

TT No.	Mã số nhận diện ao/bể/lồng nuôi ⁽¹⁾ Pond/Tank/Cage ID	Ao/bể/lồng nuôi ⁽²⁾ Pond/Tank/Cage	Diện tích ao/bể/lồng nuôi (m ²) Area of pond/tank/cage (m ²)	Địa chỉ ao/bể/lồng nuôi ⁽³⁾ Address of pond/tank/cage
1	AA-Mã số cơ quan cấp-BBBBBB-C-DDDD-EEE			

(Giấy xác nhận này thay thế Giấy xác nhận số cấp: cấp ngày tháng năm)⁽⁴⁾

(This Certificate replaces the Certificate No. issued on ... day ... month ... year ...)⁽⁴⁾

....., ngày..... tháng..... năm.....
....., date month year

**TRƯỞNG CƠ QUAN
CẤP GIẤY XÁC NHẬN/ HEAD OF THE
CERTIFICATE-ISSUING AUTHORITY**

*(Chữ ký/chữ ký số, đóng dấu của cơ quan cấp)/ Signature /
Digital signature of the Head of the issuing authority*

Ghi chú:

(1): Mã số đăng ký ao/bể/lồng nuôi được cấp cho cơ sở theo từng ao/bể/lồng nuôi.

(2): Ghi rõ ký hiệu hoặc tên ao/bể/lồng nuôi theo sơ đồ mặt bằng vị trí ao/bể/lồng nuôi.

(3): Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố.

(4): Ghi trong trường hợp Giấy phép được cấp lại/gia hạn.

Mã số nhận diện ao/bể/lồng nuôi có cấu trúc: AA-Mã số cơ quan cấp-BBBBBB-C-DDDD-EEE

Trong đó:

Thành phần	Giải thích	Độ dài	Ghi chú
AA	Mã số hành chính cấp tỉnh	2 ký tự	Theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam (Ví dụ: 01 – Thành phố Hà Nội; 96 – Tỉnh Cà Mau)
Mã số cơ quan cấp	Mã số hành chính cấp xã – áp dụng trong trường hợp UBND cấp xã cấp Giấy xác nhận Mã số Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh (mã định danh điện tử) – áp dụng trong trường hợp Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh Giấy xác nhận	5 ký tự	Theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam (Ví dụ: 09661 - xã Minh Châu, Thành phố Hà Nội)
BBBBBB	Số thứ tự cơ sở nuôi	6 ký tự	Theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Ví dụ: Chi cục Biển, Hải đảo và Thủy sản, Kiểm ngư tỉnh Quảng Ninh có mã số là H49.22.4
C	Phương thức nuôi	1 ký tự	Đánh số từ 000001 đến 999999, theo thứ tự đăng ký của từng xã 0: Lồng bè; 1: Ao; 2: Bể
DDDD	Mã số đối tượng nuôi	4 ký tự	Theo Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam (Phụ lục của Nghị định/Thông tư liên quan). Mã gộp:

Thành phần	Giải thích	Độ dài	Ghi chú
			ký tự nhóm + số thứ tự đối tượng (VD: I284)
EEE	Số thứ tự ao/bể/lồng	3 ký tự	Đánh số từ 001–999 trong cùng cơ sở
Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Châu Đốc, tỉnh An Giang cấp mã số nhận diện cho cá tra (số thứ tự 284 mục I) nuôi trong ao cho cơ sở nuôi có 03 ao và có số thứ tự là 000001, mã số nhận diện các ao là: - Ao số 1: 91-30316-000001-1-I284-001; - Ao số 2: 91-30316-000001-1-I284-002; - Ao số 3: 91-30316-000001-1-I284-003.			